

Số: /SNN&PTNT-PTNT

Thanh Hoá, ngày tháng 11 năm 2023

V/v báo cáo kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch số 215/KH-UBND ngày 30/8/2023 của UBND tỉnh năm 2023.

Kính gửi: Sở Lao động - Thương Binh và Xã hội tỉnh Thanh Hóa.

Sở Nông nghiệp và PTNT nhận được Công văn số 5516/SLĐT BXH-GDNN ngày 07/11/2023 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội về việc báo cáo kết quả triển khai thực hiện năm 2023 Kế hoạch số 215/KH-UBND ngày 30/8/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao Sở Nông nghiệp và PTNT báo cáo như sau:

## **I. ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC ĐÀO TẠO NGHỀ NÔNG NGHIỆP NĂM 2023**

### **1. Công tác chỉ đạo điều hành**

Sở Nông nghiệp và PTNT đã tổ chức triển khai đến UBND các huyện, thị xã, thành phố; các cơ sở dạy nghề trên địa bàn thực hiện Kế hoạch số 215/KH-UBND ngày 30/8/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Chỉ thị số 21-CT/TW ngày 04/5/2023 của Ban Bí thư Trung ương Đảng “về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045” và Kế hoạch số 146- KH/TU ngày 05/7/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thanh Hóa; đồng thời ban hành kịp thời các văn bản chỉ đạo triển khai công tác đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Hướng dẫn UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức xây dựng kế hoạch đào tạo nghề và hướng dẫn tổ chức dạy nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn trên cơ sở hiệu quả, khả thi, thiết thực; đào tạo nghề gắn với quy hoạch sản xuất, tìm đầu ra và phối hợp với địa phương lựa chọn đối tượng, cơ sở dạy nghề có đủ năng lực để tham gia dạy nghề cho lao động nông thôn; phối hợp với UBND các huyện, thị xã, thành phố trong công tác kiểm tra, giám sát công tác thực hiện dạy nghề. Trên cơ sở rà soát, đánh giá kết quả thực hiện trong năm qua để đánh giá thực trạng và đề ra các giải pháp cũng như kiến nghị đề xuất công tác dạy nghề phù hợp với điều kiện thực tế.

## **2. Kết quả hỗ trợ đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn năm 2023 theo Kế hoạch số 215/KH-UBND ngày 30/8/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh**

- Tổng kinh phí giao UBND các huyện, thị xã, thành phố năm 2023: 112.933.800.000 đồng (bao gồm đào tạo nghề nông nghiệp và phi nông nghiệp cho LĐNT); Trong đó, kinh phí từ Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030: 93.765.000.000 đồng (*Quyết định số 1181/QĐ-UBND ngày 10 tháng 4 năm 2023 về phân bổ vốn sự nghiệp nguồn ngân sách trung ương năm 2023 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế- xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025*); Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025: 18.219.000.000 đồng (*Quyết định số 1185/QĐ-UBND ngày 11 tháng 4 năm 2023 về phân bổ vốn sự nghiệp nguồn ngân sách trung ương năm 2023 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2023*); Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025: 949.800.000 đồng (*Quyết định số 4528/QĐ-UBND ngày 19/12/2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2023, tỉnh Thanh Hóa*).

- Theo báo cáo của UBND các huyện, thị xã, thành phố đến nay, đã tổ chức 309 lớp đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn 8.534 học viên với tổng kinh phí: 24.245.898.000 đồng; Trong đó, từ Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 tổ chức được 260 lớp cho 7.053 học viên với kinh phí 20.548.063.000 đồng; Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 tổ chức được 34 lớp cho 956 học viên với kinh phí: 2.748.035.000 đồng; Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tổ chức được 15 lớp cho 525 học viên với kinh phí: 949.800.000 đồng.

*(có chi tiết tại phụ biểu kèm theo)*

- Hiện nay, UBND các huyện, thị xã, thành phố vẫn đang tiếp tục triển khai thực hiện công tác đào tạo nghề nông nghiệp cho LĐNT, dự kiến kết thúc các lớp đào tạo nghề trước 31/12/2023.

- Trong năm vừa qua, Sở Nông nghiệp và PTNT cũng đã tích cực phối hợp với các sở, ban, ngành và UBND các huyện, xã có liên quan tổ chức kiểm tra, giám sát việc tổ chức dạy và học nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn

thông qua kế hoạch, chương trình, giáo trình đã được phê duyệt, số lượng học viên/lớp. Phối hợp với UBND các huyện chỉ đạo tăng cường chức năng kiểm tra giám sát của cấp ủy, chính quyền địa phương, đặc biệt ở cấp xã.

### **3. Đánh giá kết quả thực hiện**

#### *3.1. Những mặt được*

- Các sở, ngành cấp tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố đã phối hợp tốt trong việc triển khai thực hiện dạy nghề cho lao động nông thôn. Huy động được toàn bộ hệ thống chính trị, xã hội các cấp tham gia tích cực trong công tác tuyên truyền, tư vấn học nghề, việc làm, kiểm tra giám sát, tham gia phối hợp có hiệu quả của các Trung tâm giáo dục cộng đồng tại các xã.

- Chính quyền địa phương đã có sự quan tâm đến công tác đào tạo nghề nông nghiệp, công tác tham mưu, lựa chọn nghề đã sát với thực tế. Mặt khác, do thuận lợi về nghiệp vụ chuyên môn nên công tác kiểm tra, giám sát, thẩm định nghề đăng ký, đối tượng học viên giám sát tốt hơn ngay từ gian đoạn đầu đến khi kết thúc khóa học

- Hiệu quả đào tạo nghề theo từng nghề: việc đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn đã đạt nhiều kết quả, học viên tham gia vào lớp học nghề đều tự tạo việc làm tại gia đình góp phần ổn định cuộc sống và nâng cao thu nhập. Phần lớn lao động nông thôn khi tham gia các lớp học nghề đã mạnh dạn, chủ động áp dụng khoa học kỹ thuật vào phát triển sản xuất, góp phần nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm nông nghiệp, hình thành vùng sản xuất hàng hóa tập trung. Công tác dạy nghề đã tạo được uy tín và niềm tin đối với người lao động, góp phần giải quyết việc làm tại chỗ, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

#### *3.2. Tồn tại, hạn chế:*

- Về công tác tuyên truyền: Công tác tuyên truyền đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn ở một số cấp ủy chính quyền địa phương còn hạn chế.

- Về công tác chỉ đạo, điều hành: Một số cấp ủy, chính quyền địa phương còn lúng túng trong chỉ đạo xây dựng kế hoạch đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn; chưa có định hướng cụ thể trong việc lựa chọn nghề học hoặc có định hướng nhưng chưa gắn với quy hoạch sản xuất nông, lâm, ngư của địa phương. Quá trình phân cấp thực hiện công tác đào tạo nghề nông nghiệp ở nhiều địa phương còn chưa đúng quy định dẫn đến nhiều khó khăn trong công tác chỉ đạo điều hành.

- Về người lao động tham gia học nghề: Phần lớn người lao động nông thôn còn hạn chế, bất cập trong việc tiếp cận thông tin về nghề, thị trường và cơ sở dạy nghề nên nhiều người lao động còn thụ động trong việc đăng ký học nghề, lựa chọn nghề, cũng như tiếp cận với khoa học công nghệ, cơ giới hoá để thay đổi tập quán sản xuất cũ nhằm giảm lao động trực tiếp, hạ giá thành và tạo ra sản phẩm hàng hóa.

- Công tác tuyển sinh đào tạo nghề: Trong quá trình triển khai thực hiện, một số địa phương còn gặp khó khăn trong công tác tuyển sinh

## **II. Kiến nghị, đề xuất**

- Đề nghị cần đầu tư tập trung, có trọng điểm để xây dựng các trường có đủ điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị và giáo viên để đáp ứng yêu cầu tổ chức dạy nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn.

- Đề nghị tăng mức hỗ trợ cho LĐNT khi tham gia học nghề.

Đề nghị Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp, báo cáo./.

### **Nơi nhận:**

- Như trên;
- Giám đốc Sở (để b/c)
- Lưu: VT, CCPTNT.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Đức Cường**

**Biểu mẫu 1: Kết quả đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn năm 2023 theo Kế hoạch số 215/KH-UBND ngày 30/8/2023 của UBND tỉnh.**

*Dvt: đồng*

Số TT	Nghề đào tạo	Trình độ đào tạo	Cơ sở giáo dục nghề nghiệp	Địa điểm đào tạo	Số lớp	Số người được học nghề	Kinh phí thực hiện			
							Tổng số	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững	Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi
1	Huyện Mường Lát	Dưới 3 tháng	Trường Cao đẳng Nông nghiệp Thanh Hóa, Công ty TNHH Đầu tư PT và DV Học Viện NN Việt Nam	Các xã: Nhi Sơn, Mường Chanh, Quang Chiểu, Mường Lý, Trung Lý, Pù Nhi, Tam Chung	31	720	2.163.095.000			2.163.095.000
2	Huyện Quan Sơn	Dưới 3 tháng	Công ty TNHH ong giống thùng mật ong của người tàn tật Thanh Hóa	Các xã: Xã Trung Hạ; xã Trung Tiến; xã Trung Xuân	4	138	520.000.000		520.000.000	

3	Huyện Quan Hóa	Dưới 3 tháng	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp-GDTX huyện Quan Hóa	Các xã: Trung Thành, Phú Lê, Trung Sơn, Thiên Phú, Nam Động, Thành Sơn, Phú Xuân, Phú Nghiêm	39	1.147	3.774.848.000		192.680.000	3.582.168.000
4	Huyện Bá Thước	Dưới 3 tháng	Trường Cao đẳng Nông nghiệp Thanh Hóa, Trung tâm nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao KHCN Trường Đại học Hồng Đức	Các xã: Điền Quang, Ái Thượng, Thiết Ống, Xã Kỳ Tân, Lương Nội, Lương Ngoại, Ái Thượng, Thành Lâm, Lũng Cao, Lương Trung, Ban Công, Cổ Lũng	58	1.458	4.292.390.000		346.840.000	3.945.550.000
5	Huyện Như Xuân	Dưới 3 tháng	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Như Xuân, Trường Cao	Các xã: Bình Lương, Tân Bình, Hóa Quý, Xuân Hòa, Xuân	38	1.174	3.236.000.000		852.000.000	2.384.000.000

			đảng Nông nghiệp Thanh Hóa	Bình, Thanh Sơn, Thanh Hòa, Thanh Xuân, tt Yên Cát, Cát Vân, Cát Tân, Thượng Ninh						
6	Huyện Như Thanh	Dưới 3 tháng	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Như Thanh	Các xã: Xuân Khang, Yên Thọ, Xuân Du, Thanh Kỳ, Xuân Phúc, Xuân Thái	10	350	1.249.500.000		247.900.000	1.001.600.000
7	Huyện Thạch Thành	Dưới 3 tháng	Trường trung cấp nghề Thạch Thành, Trường Trung cấp nghề Thương mại Du lịch Thanh Hoá, Trường Đại học Hồng Đức, Thanh Hoá	Tại các xã: Thành Vinh, Thành Công, Thạch Lâm, Thành Minh, Thành Yên, Thành Tân, Thành Tiến, Thành Long, Thạch Cẩm, Thành Thọ, tt Vân Du, Thành An	73	2.113	5.680.905.000		281.235.000	5.399.670.000
				Xã Cẩm Phú, Cẩm Lương Cẩm Thành,						

8	Huyện Cẩm Thủy	Dưới 3 tháng	TTGDNN-GDTX huyện Cẩm Thủy,	Cẩm Liên, Cẩm Yên, Cẩm Châu, Cẩm Tú, Cẩm Giang. Cẩm Tân	38	834	2.128.110.000		56.130.000	2.071.980.000
9	Huyện Yên Định	Dưới 3 tháng	Trung tâm GDNN-GDTX Yên Định	Xã Yên Hùng, xã Yên Phong, TT Yên Lâm	03	75	251.250.000		251.250.000	
10	Huyện Triệu Sơn	Dưới 3 tháng	Trường Cao đẳng Nông nghiệp Thanh Hóa	Tại các xã	05	175	328.445.000	328.445.000		
11	Huyện Thiệu Hóa	Dưới 3 tháng	Trường Cao đẳng Nông nghiệp Thanh Hóa	Tại các xã: Thiệu Thành, Thiệu Công, Thiệu Quang	03	105	201.345.000	201.345.000		
12	Huyện Hà Trung	Dưới 3 tháng	Trường Cao đẳng Nông nghiệp Thanh Hóa	Tại các xã	01	35	58.720.000	58.720.000		
13	Huyện Hoằng Hóa	Dưới 3 tháng	Trường Cao đẳng Nông nghiệp Thanh Hóa	Tại các xã	04	140	231.890.000	231.890.000		
14	Huyện Quảng Xương	Dưới 3 tháng	Trường Cao đẳng Nông nghiệp Thanh Hóa	Xã Quảng Chính	01	35	58.950.000	58.950.000		



15	Thị Xã Nghi Sơn	Dưới 3 tháng	Trường Cao đẳng Nông nghiệp Thanh Hóa	Thị Xã Nghi Sơn	01	35	70.450.000	70.450.000		
	<b>Tổng cộng</b>				<b>309</b>	<b>8.534</b>	<b>24.245.898.000</b>	<b>949.800.000</b>	<b>2.748.035.000</b>	<b>20.548.063.000</b>